

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm các nội dung cơ bản như sau:

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- Tên dự toán mua sắm: Mua hàng hoá cho sản phụ, trẻ sơ sinh và hàng hoá khác phục vụ hoạt động thường xuyên của Bệnh viện Phụ sản Thái Bình năm 2026.

- Tên gói thầu: Gói thầu số 01: Mua hàng hoá cho sản phụ, trẻ sơ sinh và hàng hoá khác phục vụ hoạt động thường xuyên của Bệnh viện Phụ sản Thái Bình năm 2026.

- Chủ đầu tư: Bệnh viện Phụ sản Thái Bình

- Địa điểm thực hiện: Bệnh viện Phụ sản Thái Bình. Địa chỉ: Số 530A, Đường Lý Bôn, Phường Trần Hưng Đạo, Tỉnh Hưng Yên

- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng.

- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn một túi hồ sơ

- Nguồn vốn: Nguồn thu từ giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và các nguồn thu hợp pháp khác của Bệnh viện Phụ sản Thái Bình.

- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Tháng 5/2026

- Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định

- Thời gian thực hiện gói thầu: 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

1.2.1. Yêu cầu chung:

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm yêu cầu về kỹ thuật chung và yêu cầu về kỹ thuật chi tiết đối với hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp của gói thầu, cụ thể:

- Nhà thầu phải có bảng đáp ứng về kỹ thuật của hàng hóa chào thầu so sánh với yêu cầu kỹ thuật của E-HSMT (đính kèm file word/excel tại E-HSDT):

STT	Yêu cầu kỹ thuật của Hồ sơ mời thầu	Đáp ứng kỹ thuật của Hồ sơ dự thầu	Tài liệu kỹ thuật tham chiếu trong E-HSDT
1	Tên hàng hoá theo HSMT	- Tên hàng hoá: - Ký mã hiệu: ... - Nhà sản xuất: ... - Xuất xứ: ...	
	Mô tả hàng hóa của E-HSMT	Mô tả hàng hóa của E-HSDT (chi tiết đáp ứng từng mục)	Dẫn chiếu từng chi tiết mô tả hàng hoá tới Trang ... của Catalog/Tài liệu kỹ thuật và Mô tả hình ảnh ... thuộc E-HSDT (Highlight các nội dung liên quan tới Mô tả hàng hoá trên Tài liệu dẫn chiếu)

- Cam kết khi giao hàng: Hàng hoá mới 100%, chưa qua sử dụng. Hàng hóa phải có tài liệu chứng nhận nguồn gốc, xuất xứ, thông số kỹ thuật. Nhà thầu có trách nhiệm bàn giao hàng hoá trong vòng 48 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu của Chủ Đầu tư. Trong trường hợp cấp bách, đột xuất, nhà thầu phải bàn giao hàng hoá trong vòng 24 giờ.

- Yêu cầu về hàng hoá:

+ Yêu cầu về chất lượng hàng hoá: Yêu cầu cụ thể về thông số kỹ thuật các hàng hóa quy định cụ thể ở Mục 1.2.2 Chương này;

+ Đối với tất cả hàng hoá: Hàng hóa phải có catalogue hoặc tài liệu kỹ thuật thể hiện đầy đủ các thông số kỹ thuật của hàng hóa dự thầu hoặc chứng thực xác nhận của nhà sản xuất về các tiêu chuẩn kỹ thuật của hàng hóa. Trường hợp cần thiết, Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu cung cấp bản gốc tài liệu để chứng minh.

+ Đối với hàng hoá được định nghĩa là mỹ phẩm như: Sữa tắm, Dầu gội, ...; Nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh hàng hoá được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp số tiếp nhận Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm. Hàng hoá dự thầu không nằm trong danh sách mỹ phẩm vi phạm/ bị thu hồi do Cục quản lý Dược – Bộ Y tế công bố.

Chủ đầu tư sẽ yêu cầu nhà thầu phải tiến hành kiểm định/kiểm nghiệm hàng hóa bởi cơ quan có chức năng đối với lô hàng hóa ngẫu nhiên được kiểm tra đột xuất hoặc đối với lô hàng hóa khi bàn giao nghiệm thu có nghi vấn khi kiểm tra cảm quan ban đầu; mọi chi phí kiểm định/kiểm nghiệm hàng hóa do nhà thầu tự chi trả. Trong trường hợp lô hàng có dấu hiệu bất thường, nhà thầu có trách nhiệm đổi trả trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được thông báo.

1.2.2. Yêu cầu kỹ thuật chi tiết:

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về đặc tính, thông số kỹ thuật (hoặc tương đương, hoặc tốt hơn)
Phần 01: Bỉm, tã dán		
1	Bỉm sản phụ	- Về nguyên liệu: Vải không dệt, Bông Cellulose, Hạt siêu thấm, PE, PP, Chun, Polyme kết dính, Giấy - Về ngoại quan: Hình thức bên ngoài: bột giấy trắng, dàn đều suốt chiều dài miếng sản phẩm. Hình dáng miếng sản phẩm cân đối. Mỗi hàn chắc chắn, không bong hở. Các đường cắt đều, cân đối. Sản phẩm phải sạch, không có bụi, dầu mỡ và các vật lạ khác. Lớp màng kết dính tốt với lõi bông. 1. Chiều dài miếng sản phẩm (đo chỗ dài nhất): 900 mm 2. Chiều rộng miếng sản phẩm (đo chỗ rộng nhất): 730 mm 3. Khối lượng miếng: 75,3 g. Dung sai cho phép theo khối lượng: 6,5 g

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về đặc tính, thông số kỹ thuật (hoặc tương đương, hoặc tốt hơn)
		4. Khả năng thấm hút: $\geq 950\text{ml}$ 5. Thời gian thấm hút: $\leq 100\text{s}$ 6. Độ pH: 4 -8 7. Tổng số nấm mốc (test theo TCVN 10584 hoặc tương đương): ≤ 100 khuẩn lạc/g 8. Tổng số vi khuẩn hiếu khí (test theo TCVN 10584 hoặc tương đương): ≤ 200 khuẩn lạc/g
2	Tã dán sơ sinh	- Về nguyên liệu: Vải không dệt, Bông Cellulose, Hạt siêu thấm, PE, PP, Chun, Polyme kết dính, Vitamin E dưỡng da - Về ngoại quan: Hình thức bên ngoài: bột giấy trắng, dàn đều suốt chiều dài miếng sản phẩm. Hình dáng miếng sản phẩm cân đối giữa các đai dính bụng, đai trước bụng, thun bụng, vách đứng và lõi bông. Mỗi hàn chắc chắn, không bong hở. Các đường cắt đều, cân đối. Sản phẩm phải sạch, không có bụi, dầu mỡ và các vật lạ khác. Lớp màng kết dính tốt với lõi bông. 1. Chiều dài miếng sản phẩm (đo chỗ dài nhất): 365mm 2. Chiều rộng miếng sản phẩm (đo chỗ rộng nhất) 371mm 3. Chiều rộng miếng sản phẩm (đo chỗ hẹp nhất) 240mm 4. Khối lượng miếng: 16,9g. Dung sai cho phép theo khối lượng: 10% 5. Khả năng thấm hút: $\geq 55\text{g}$ 6. Độ thấm ngược: $\leq 3\text{g}$ 7. Thời gian thấm hút: $\leq 8\text{s}$ 8. Độ pH: 6,5-7,5 9. Chất tăng trắng quang học: Không có 10. Tổng số vi khuẩn hiếu khí (test theo TCVN 10584 hoặc tương đương): ≤ 200 khuẩn lạc/g
Phần 02: Sữa tắm		
3	Sữa tắm	- Dạng lỏng, trong suốt, từ vàng đến vàng nhạt, không tách lớp - Dung tích: $\geq 450\text{ ml/chai}$ 1- Tổng số vi khuẩn hiếu khí: $\leq 500\text{ CFU/g}$ 2- Escherichia coli: Không có 3- Candida albicans: Không có 4- Pseudomonas aeruginosa: Không có 5- Staphylococcus aureus: Không có 6- Hg/Thủy ngân: $\leq 1\text{ ppm}$ 7- As/Asen: $\leq 5\text{ ppm}$ 7- Pb/Chì: $\leq 5\text{ ppm}$ 8- Độ pH: 4,5 - 6,5
Phần 03: Dầu gội, dầu xả		

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về đặc tính, thông số kỹ thuật (hoặc tương đương, hoặc tốt hơn)
4	Dầu gội	- Dùng cho sản phụ, thành phần chiết xuất thảo mộc/được liệu chính (bồ kết, tang bạch bì, hương nhu...) giảm gàu và ngứa da đầu, rụng tóc, hỗ trợ tóc hư tổn - Dung tích: $\geq 500\text{ml}$, chai dạng vòi pump - Hàng mới 100%, hạn sử dụng tối thiểu 24 tháng
5	Dầu xả	- Dầu xả dùng cho sản phụ, thành phần chiết xuất thảo mộc/được liệu chính (bồ kết, tang bạch bì, hương nhu, chanh tươi, dầu cám gạo lứt, ...) dùng cho tóc yếu, dễ gãy rụng, da đầu dễ bị gàu, ngứa - Dung tích: $\geq 500\text{ml}$, chai dạng vòi pump - Hàng mới 100%, hạn sử dụng tối thiểu 24 tháng
Phần 04: Giấy in các loại		
6	Giấy ảnh 1 mặt	- Chất liệu: bột giấy - Kích thước: Dài x Rộng = $(210 \times 297) \text{ mm} \pm 2\text{mm}$ - Định lượng: $\geq 135 \text{ gsm}$ (135g/m^2) - Chức năng: In màu, hình ảnh, tờ rơi, poster, ... - Số mặt in: 1 mặt - Đóng gói: ≥ 100 tờ/tập
7	Giấy A4	- Kích thước: Dài x Rộng = $(210 \times 297) \text{ mm} \pm 2\text{mm}$ - Định lượng: $\geq 70 \text{ gsm}$ (70g/m^2) - Đóng gói: ≥ 500 tờ/Ream - Độ trắng: màu trắng sáng, không đục, mặt giấy nhẵn mịn - Đặc tính: Phù hợp với mọi loại máy in và máy photocopy
8	Giấy A5	- Kích thước: Dài x Rộng = $(148 \times 210) \text{ mm} \pm 2\text{mm}$ - Định lượng: $\geq 70 \text{ gsm}$ (70g/m^2) - Đóng gói: ≥ 500 tờ/Ream - Độ trắng: màu trắng sáng, không đục, mặt giấy nhẵn mịn - Đặc tính: Phù hợp với mọi loại máy in và máy photocopy
Phần 05: Ga nệm các loại		
9	Ga trải giường 1	Chất liệu vải kate ford hoặc tương đương Màu sắc: màu trắng Thành phần: Khối lượng vải (g/m^2) (ISO 3801 hoặc tương đương) $161,7 \pm 0,2$ Mật độ vải (Sợi/10cm) (ISO 7211-2 hoặc tương đương) $286 \times 263 \pm 2$ Độ bền xé rách (N) (ISO 13937-1 hoặc tương đương) (DxN) $43,4 \times 40,6 \pm 0,2$ Độ vón gút sau 6 giờ (Cấp) (ISO 12945-1 hoặc tương đương) (DxN) 4×4 Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (ISO 5077/ ISO 6330 hoặc tương đương) (DxN) $(-1,6) \times (-1,0) \pm 0,2$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) (ISO 105-C06 A1S hoặc tương

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về đặc tính, thông số kỹ thuật (hoặc tương đương, hoặc tốt hơn)
		đương), 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833 hoặc tương đương) POLYESTER 63,4±0,5 COTTON 36,6 ±0,5 Kích thước: 90x190cm In logo bệnh viện theo yêu cầu
10	Ga trải giường 2	Chất liệu vải kate ford hoặc tương đương Màu sắc: màu trắng Thành phần: Khối lượng vải (g/m²) (ISO 3801: hoặc tương đương) 161,7 ± 0,2 Mật độ vải (Sợi/10cm) (ISO 7211-2 hoặc tương đương) 286 x 263 ± 2 Độ bền xé rách (N) (ISO 13937-1 hoặc tương đương) (DxN) 43,4 x 40,6 ± 0,2 Độ vón gút sau 6 giờ (Cấp) (ISO 12945-1 hoặc tương đương) (DxN) 4 x 4 Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (ISO 5077/ISO 6330 hoặc tương đương) (DxN) (-1,6) x (-1,0) ± 0,2 Độ bền màu giặt ở 40°C (Cấp) (ISO 105-C06 A1S hoặc tương đương), 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833 hoặc tương đương) POLYESTER 63,4 ± 0,5 COTTON 36,6 ± 0,5 Kích thước: 120 x 190cm In logo bệnh viện theo yêu cầu
11	Ga chống thấm	Kích thước sản phẩm: 1,8 x 2,0 x 10 cm Chất liệu: simili chống thấm nước chống thấm 100%, không bí và đảm bảo đối lưu không khí.
12	Nệm y tế 1	Kích thước: ≥ (90x190) cm; - Chất liệu lõi: đệm lõi bông ép dày 10cm - Vỏ bọc ngoài: vỏ da chống thấm nước, kháng khuẩn, dễ lau chùi - Kiểu dáng: nệm thẳng có thể gập 2/3 theo yêu cầu bệnh viện
13	Nệm y tế 2	Kích thước: ≥ (120x190) cm; - Chất liệu lõi: đệm lõi bông ép dày 10cm - Vỏ bọc ngoài: vỏ da chống thấm nước, kháng khuẩn, dễ lau chùi - Kiểu dáng: nệm thẳng có thể gập 2/3 theo yêu cầu bệnh viện
Phần 06: Hàng hoá các loại		

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về đặc tính, thông số kỹ thuật (hoặc tương đương, hoặc tốt hơn)
14	Đép tổ ong	Chất liệu: nhựa, màu kem Độ dày: 3cm Size: L, XL, 2XL, 3XL
15	Giấy vuông	Dùng cho sản phụ Gói 100 tờ Size: 330 x 330mm Đạt chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương
16	Nước khoáng	Chai $\geq 500\text{ml}$ Đạt chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương
17	Giấy vệ sinh	- Giấy vệ sinh 3 lớp. - Đóng gói: 1 dây/10 cuộn. - Thành phần chính: bột giấy - Chất lượng thật dai mềm mịn, độ hút cao
18	Ấm siêu tốc	- Chất liệu: Inox 2 lớp - Dung tích $\geq 1,8\text{L}$. - Công suất $\geq 1500\text{W}$. - Điện áp 220V/50 Hz. - Kích thước: $\geq 190 \times 185 \times 240\text{mm}$. - Khối lượng tịnh $\geq 1,1\text{kg}$ - Đế tay cầm của ấm tối thiểu là nhựa PP, đun sôi nhanh, dễ vệ sinh
19	Phích nước	- Dung tích $\geq 2\text{L}$, - Thời gian giữ nhiệt 4-6 giờ - Vỏ ngoài bằng nhựa, có quai xách, ruột phích thủy tinh không chứa thủy ngân, không chứa hóa chất độc hại, an toàn cho người sử dụng
20	Bình ủ 1	Chất liệu nhựa PP bền đẹp bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm Dung tích $\geq 2\text{L}$ Bình có nắp, quai cầm tay Giữ nhiệt hiệu quả cho nước đá, nước nóng chè
21	Bình ủ 2	Chất liệu inox 201, màu bạc, có vòi Dung tích $\geq 26\text{L}$ Giữ nóng lạnh hơn 10 tiếng Hàng mới 100%, bảo hành theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất
22	Xà phòng	Xà phòng bánh thành phần gồm: Sodium Palmate, Sodium Palm Kernelate, Water, Fragrance, Glycerin, o-Cymen-5-ol 0,1%, Niacinamide, Calcium Pantothenate, Sodium Ascorbyl Phosphate, Pyridoxine HCl, Tocopheryl Acetate, Titanium Dioxide 0,2%, Etidronic Acid 0,025%, CI 74160 0.006%, CI 74260 0,0015% - Đóng gói 1 bánh/hộp
23	Dầu massage	- Dầu massage dùng cho trẻ sơ sinh, dạng dung dịch - Công dụng chính: giữ ấm, dưỡng ẩm, bảo vệ da bé mềm mại, thư

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về đặc tính, thông số kỹ thuật (hoặc tương đương, hoặc tốt hơn)
		giãn - Dung tích $\geq 60\text{ml}$ - Thành phần chính: Dầu cám gạo, dầu dạnh nhân, dầu dừa, dầu hạt nho, tinh dầu trà gió, vitamin E Không chứa cồn - Được kiểm nghiệm da liễu, phù hợp cho da trẻ sơ sinh nhạy cảm
24	Giá đựng lọ sát khuẩn tay	Giá đựng lọ sát khuẩn tay, chất liệu inox không gỉ Có móc có thể treo tường Kích thước: $\geq$ (Phi 10cm x Cao 20cm)
25	Giá đựng dép bằng Inox	Kệ để giày dép inox loại 3 tầng, hộp vuông toàn bộ; Chất liệu inox Kích thước: $\geq 600 \times 250 \times C490$ (mm) Khung và nan sử dụng hộp vuông 10x10mm thoáng đẹp, chắc chắn, dễ dàng vệ sinh. Bảo hành theo tiêu chuẩn của NSX
26	Giá đựng xà phòng	- Kích thước: $\geq (80 \times 115)$ mm - Khay xà phòng bo tròn dễ dàng lắp đặt vít vào tường, sản phẩm kèm theo nở, ốc, vít đều bằng Inox tự thay thế đơn giản, thiết kế các rãnh khe nhỏ bên dưới khay cho xà phòng nhanh khô nước thoát nhanh
27	Giá phơi quần áo	Bánh xe di chuyển: 4 bánh Chất liệu: Thép inox Kích thước: $\geq (121,5\text{cm} \times 50\text{cm} \times (127,5\text{cm} - 151,5\text{cm}))$ Kiểu dáng: Giá áo đôi, có móc treo
28	Manh PP	Cấu trúc: PP dệt đơn hoặc PP dệt + keo trắng. Định lượng: $\geq 90 - 120 \text{ gr/m}^2$ Khổ rộng: ≥ 80 cm không dọc Màu sắc: PP dệt trắng, PP dệt trong
29	Thảm trải sàn 1	Chất liệu tối thiểu: nỉ, sợi len, sợi tổng hợp thấm hút nước tốt Dạng đế: đế cao su chống trơn bám sàn, chống trơn trượt tốt Kích thước: $\geq (30\text{cm} \times 50\text{cm})$
30	Thảm trải sàn 2	Kích thước: $\geq (120\text{cm} \times 80\text{cm})$, Chất liệu tối thiểu: nỉ, sợi len, sợi tổng hợp thấm hút nước tốt Dạng đế: Đế cao su chống trơn bám sàn, chống trơn trượt tốt
31	Bàn chải đánh tay phẫu thuật	Chất liệu nhựa y tế, có thể hấp tiệt trùng nhiệt độ cao để tái sử dụng lại. Bàn chải y tế 2 mặt. Lông bàn chải bằng chất liệu nylon, Sợi lông bàn chải dài khoảng 0,5 inch $\pm 0,1$, Sẽ không làm xước da Sử dụng trong rửa tay phẫu thuật, rửa tay thường quy

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về đặc tính, thông số kỹ thuật (hoặc tương đương, hoặc tốt hơn)
32	Đồng hồ treo tường	Chất liệu nhựa Kích thước: ≥ 45 cm Dùng 1 pin AA để thay thế
33	Ghế nhựa cao	Kích thước: $\geq 33 \times 33 \times 45$ cm Chất liệu Ghế được làm từ chất liệu nhựa PP (Polypropylene), đảm bảo an toàn và dễ vệ sinh.
34	Ghế nhựa thấp	Kích thước: $\geq 28 \times 28 \times 25$ cm Chất liệu Ghế được làm từ chất liệu nhựa PP (Polypropylene), đảm bảo an toàn và dễ vệ sinh.
35	Xô nhựa	Xô nhựa có quai xách, nắp đậy, ≥ 20 lít, xanh
36	Chậu nhựa 1	Chậu nhựa tròn Kích thước: ≥ 50 cm Màu sắc: vàng
37	Chậu nhựa 2	Chậu nhựa tròn, Kích thước: ≥ 60 cm Màu sắc: vàng
38	Hộp nhựa	Đựng dụng cụ xử lý chống tràn có nắp, có quai. Chất liệu: Nhựa trắng trong suốt Kiểu dáng: chữ nhật, Kích thước: $\geq (40 \times 28 \times 23)$ cm
39	Rổ nhựa	Rổ chất liệu nhựa Kiểu dáng: Tròn, Kích thước ≥ 50 cm
40	Rổ nhựa	Rổ chất liệu nhựa Kiểu dáng: chữ nhật, Kích thước: $\geq (50 \times 34 \times 11,5)$ cm
Phần 07: Thùng rác y tế các loại		
41	Túi vải bạt thay thế xe chở đồ	Kích thước: $\geq (80 \times 55 \times 64)$ cm Chất liệu: Vải bạt chống thấm nước, dễ dàng vệ sinh và bảo dưỡng Móc khóa: Bằng thép, chắc chắn và tiện lợi cho việc cố định đồ đạc Đặc điểm nổi bật: Dễ dàng thay thế, bền bỉ, tiết kiệm chi phí khi sử dụng lâu dài
42	Thùng đựng rác y tế 1	Thùng dạng đạp chân mở nắp, bên trong có lõi đựng rác bằng nhựa, có quai xách Chất liệu nhựa PP nguyên sinh, có logo y tế Dung tích ≥ 10 L Màu sắc xanh/vàng/trắng/đen theo nhu cầu bệnh viện
43	Thùng đựng rác y tế 2	Thùng dạng đạp chân mở nắp, bên trong có lõi đựng rác bằng nhựa, có quai xách Chất liệu nhựa PP nguyên sinh, có logo y tế Dung tích ≥ 15 L Màu sắc xanh/trắng theo nhu cầu bệnh viện

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về đặc tính, thông số kỹ thuật (hoặc tương đương, hoặc tốt hơn)
44	Thùng đựng rác y tế 3	Thùng dạng đạp chân mở nắp, bên trong có lõi đựng rác bằng nhựa, có quai xách Chất liệu nhựa PP nguyên sinh, có logo y tế Dung tích $\geq 20L$ Màu sắc xanh/trắng theo nhu cầu bệnh viện
45	Thùng đựng rác y tế 4	- Chất liệu nhựa HDPE, Có 2 bánh xe di chuyển, logo "Hãy bỏ rác vào thùng" - Dung tích thùng chứa $\geq 100L$, - Màu vàng/ xanh theo nhu cầu Bệnh viện - Bảo hành theo chính sách hãng
46	Thùng đựng rác thường	Kích cỡ: Vừa - Dung tích: $\geq 20L$ - Chất liệu: Nhựa PP 100% nguyên chất - Màu sắc: Xanh
47	Xô đựng chất thải y tế 1	- Chất liệu: Nhựa HDPE nguyên sinh, chịu va đập, chống ăn mòn hoá chất, không bị lão hoá ngoài trời - Dung tích: $\geq 10L$, màu vàng/trắng; Kiểu nắp đậy có gạt đóng mở, có quai xách - Có logo y tế
48	Xô đựng chất thải y tế 2	- Chất liệu: Nhựa HDPE nguyên sinh, chịu va đập, chống ăn mòn hoá chất, không bị lão hoá ngoài trời - Dung tích: $\geq 5L$, màu vàng/trắng; Kiểu nắp đậy có gạt đóng mở, có quai xách - Có logo y tế
49	Xô đựng chất thải y tế 3	- Chất liệu: Nhựa HDPE nguyên sinh, chịu va đập, chống ăn mòn hoá chất, không bị lão hoá ngoài trời - Dung tích: $\geq 22L$, màu vàng/đỏ; Kiểu nắp đậy có gạt đóng mở, có quai xách - Có logo y tế

Mục 2. Bản vẽ: Không có

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm:

Việc kiểm tra, thử nghiệm các hàng hóa được yêu cầu sẽ được tổ chức tại Bệnh viện Phụ sản Thái Bình; Địa chỉ: Số 530A, Đường Lý Bôn, Phường Trần Hưng Đạo, Tỉnh Hưng Yên. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp hàng hóa không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo E-HSMT thì Chủ đầu tư có quyền từ chối và Nhà thầu phải có trách nhiệm thay thế hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp Nhà thầu không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, Chủ đầu

tư có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Nhà thầu chịu. Việc thực hiện kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa của Chủ đầu tư không dẫn đến miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng của Nhà thầu.